

Số: 15/2022/Q $\square$ ST- DS

Ứng Hòa, ngày 19 tháng 8 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 11 tháng 8 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 01/2022/TLST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2022.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

\* **Nguyên đơn:** Ngân hàng A. Trụ sở: số 191 BT, phường L $\square$ ĐH, quận HBT, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Hùng A - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Trọng H – Chức vụ: Chuyên viên Xử lý nợ Ngân hàng A. (Theo giấy ủy quyền số 1062-03/2021/UQ-TCB ngày 25/11/2021 của Ngân hàng Techcombank).

**\*Bị đơn đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Lê Hữu D, sinh năm 1986.
- Chị Đinh Thị Q, sinh năm 1986.

Đều có nơi ĐKKHKT: thôn ĐX, xã HN, huyện UH, thành phố Hà Nội.

**\*Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- Chị Lê Thị D, sinh năm 1981.

HKTT: ĐX – HN - UH – Hà Nội

- Anh Đào Xuân T, sinh năm 1976.

Nơi ĐKHKTT: CB, TTO, huyện TT, thành phố Hà Nội.

( *Chị Q, chị D và anh T đều ủy quyền cho anh D* )

## **2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

2.1. Bị đơn vợ chồng anh Lê Hữu D chị Đinh Thị Q (*gọi tắt là vợ chồng D Q*) xác nhận có vay vốn Ngân hàng A (*viết tắt là: Techcombank*) thông qua việc ký kết Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 48224/HĐTD/TH-TN/TCB TTB ngày 31/5/2011. Mục đích vay: Tiêu dùng. Theo đó, ngày 01/6/2011 vợ chồng D Q cùng Ngân hàng ký kết thêm 01 phụ lục hợp đồng tín dụng về lịch trả nợ và ngày 31/5/2011 vợ chồng D Q đã nhận giải ngân từ ngân hàng tổng số tiền 730.000.000 đồng như đã nêu trên theo khế ước nhận nợ và cam kết trả nợ số 48224. Ngoài ra trong Hợp đồng tín dụng, phụ lục hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ kèm cam kết trả nợ đều có các thỏa thuận khác như thời hạn vay, lãi suất, thay đổi lãi suất, tài sản bảo đảm.... và các thỏa thuận khác. Vợ chồng D Q xác nhận hiện còn nợ Techcombank tổng số tiền (*lãi tạm tính đến hết ngày 22/7/2022*), cụ thể như sau:

+ Nợ gốc : 656.992.000 đồng.

+ Nợ lãi: 1.733.392.590 đồng;

Tổng: **2.390.384.590** đồng (*Hai tỷ ba trăm chín mươi triệu ba trăm tám mươi tư nghìn năm trăm chín mươi đồng*).

2.2. Các bên thoả thuận về thời hạn, phương thức thanh toán như sau:

- Chậm nhất đến hết ngày 30/10/2022 vợ chồng D Q phải thanh toán cho Techcombank tổng số tiền 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng chẵn*), trong đó: nợ gốc: 656.992.000 đồng, nợ lãi: 343.008.000 đồng (*tiền lãi tạm tính đến ngày 22/7/2022*). Toàn bộ số tiền nợ lãi còn lại là 733.392.590 đồng tính đến ngày 22/7/2022 và tiền nợ lãi phát sinh kể từ ngày 23/7/2022 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc, Techcombank đồng ý miễn hết cho vợ chồng D Q. Số tiền khi vợ chồng D Q nộp vào Ngân hàng ưu tiên thu vào nợ gốc trước, nợ lãi sau.

- Ngay sau khi vợ chồng D Q thanh toán đủ số tiền 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng chẵn*) cho Techcombank thì Techcombank có trách nhiệm làm thủ tục giải chấp tài sản thế chấp cho vợ chồng chị Lê Thị D anh Đào Xuân T, cụ thể: Quyền sử dụng thửa đất số 66, tờ bản đồ: 02, diện tích là 73m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: xã HN, huyện UH, TP. Hà Nội, GCNQSD đất số AO 419427; sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ số H: 01993, do UBND huyện UH cấp ngày 28/4/2009 cho bà Lê Thị D, Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 2821.2011/HĐTC-TCB ngày 17/5/2011 của Văn Phòng Công chứng Thăng Long, đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 19/5/2011.

- Trường hợp vợ chồng D Q không thanh toán trả nợ cho Techcombank theo đúng thỏa thuận nêu trên (về thời gian trả, số tiền trả) thì vợ chồng D Q phải trả cho Techcombank toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi tạm tính đến hết ngày 22/7/2022 nêu trên là 1.733.392.590 đồng (*Một tỷ bảy trăm ba mươi ba triệu ba trăm chín mươi hai nghìn năm trăm chín mươi đồng*) và tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất đã được các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 48224/HĐTD/TH-TN/TCB TTB ngày 31/5/2011 và phụ lục số 01 Lịch trả nợ và khế ước nhận nợ số 48224 đều cùng ngày 31/5/2011 (*Có sự điều chỉnh tăng, giảm theo từng thời kỳ của Ngân hàng*) đã ký kết kể từ ngày 23/7/2022 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ cho Ngân hàng tương ứng với thời gian chậm trả.

Nếu vợ chồng D Q không thực hiện theo đúng thỏa thuận thanh toán nêu trên (về thời gian, số tiền trả) thì Techcombank có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để bảo đảm thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng, cụ thể: Quyền sử dụng thửa đất số 66, tờ bản đồ: 02, diện tích là 73m<sup>2</sup> và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: xã HN, huyện UH, TP. Hà Nội, GCNQSD đất số AO 419427; số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ số H: 01993, do UBND huyện UH cấp ngày 28/4/2009 cho bà Lê Thị D, Hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 2821.2011/HĐTC-TCB ngày 17/5/2011 của Văn Phòng Công chứng Thăng Long, đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 19/5/2011. Diện tích, kích thước tài sản thế chấp được xử lý căn cứ theo diện tích, kích thước thực tế của tài sản tại thời điểm xử lý.

Tr- ờng hợp số tiền sau khi phát mại tài sản không đủ trả nợ thì vợ chồng D Q có nghĩa vụ tiếp tục trả Ngân hàng cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ; Nếu phát mại tài sản thế chấp giá trị lớn hơn khoản nợ thì số tiền chênh lệch phải trả lại cho chủ sở hữu tài sản.

2.3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án: Nguyên đơn, bị đơn mỗi bên phải chịu số tiền án phí Dân sự sơ thẩm là 10.500.000 đồng; Chấp nhận sự tự nguyện của Bị đơn nộp cả 21.000.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm; Bị đơn thuộc diện hộ nghèo và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí nên miễn cho Bị đơn toàn bộ phần tiền án phí phía bị đơn phải nộp. Bị đơn còn phải nộp 10.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng A 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*) số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0057319 ngày 05 tháng 01 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện UH.

**3.** Tr- ờng hợp quyết định đ- ọc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ọc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ- ọc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**4.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ- ọc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

**Nơi nhân:**

- TANDTP Hà Nội;
- VKSND huyện UH;
- Chi cục T.H.A DS huyện UH;
- Các đ- ơng sự;
- L- u hồ sơ vụ án; v/p.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Văn Thiện**